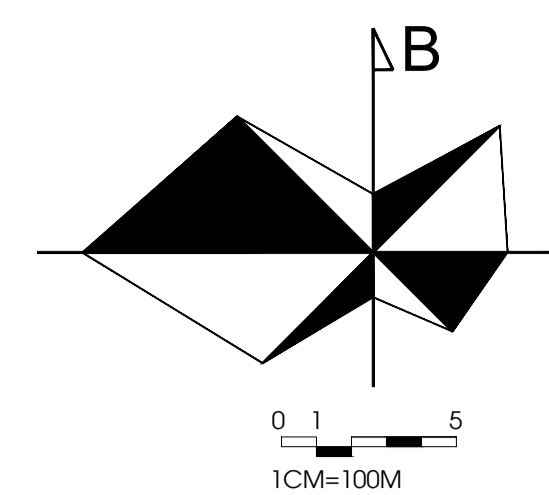


BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

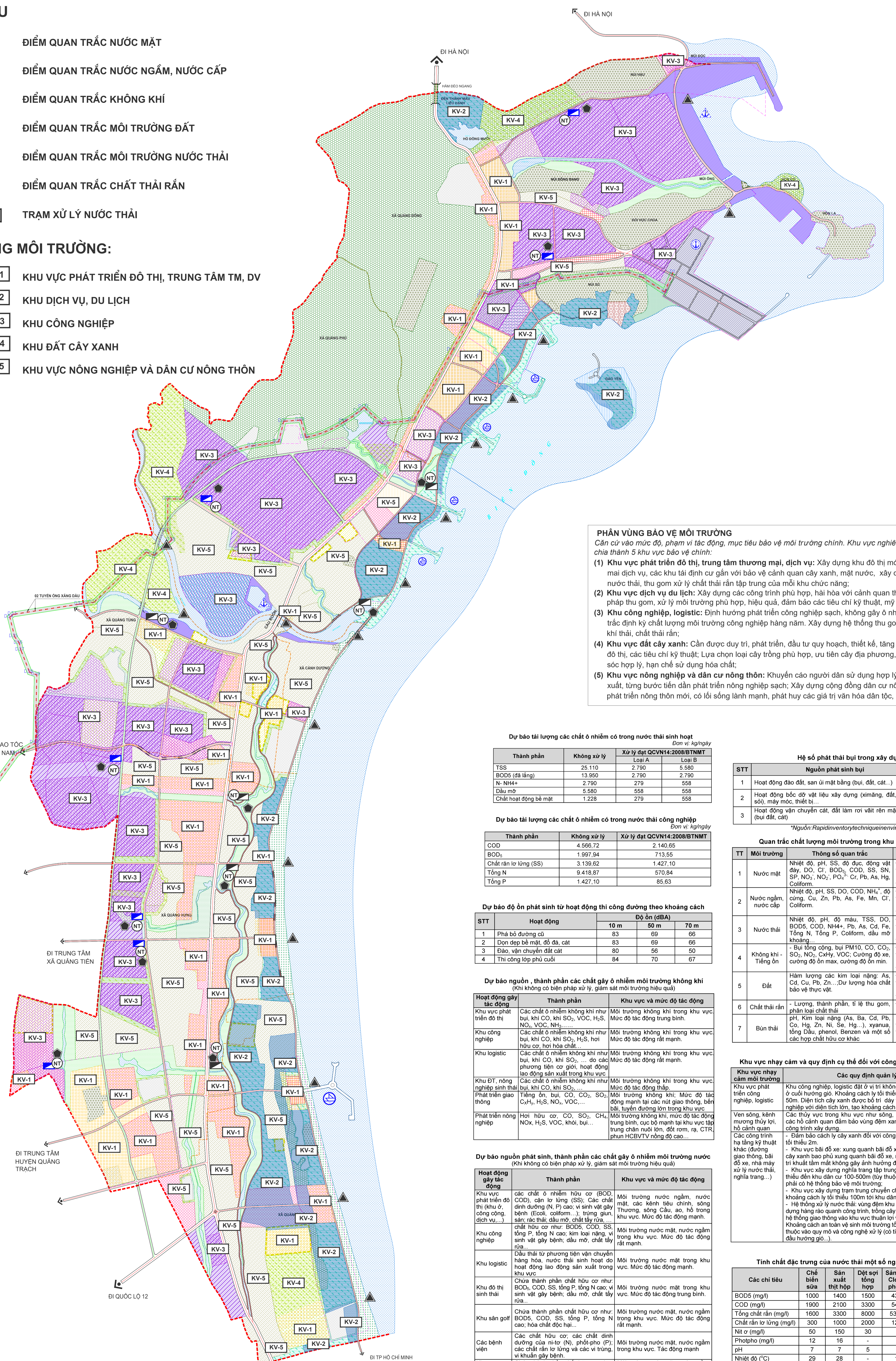


KÝ HIỆU

- DIỂM QUAN TRẮC NƯỚC MẶT
DIỂM QUAN TRẮC NƯỚC NGẦM, NƯỚC CẤP
DIỂM QUAN TRẮC KHÔNG KHÍ
DIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐẤT
DIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI
DIỂM QUAN TRẮC CHẤT THẢI RẮN
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG:

- KV-1 KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, TRUNG TÂM TM, DV
KV-2 KHU DỊCH VỤ, DU LỊCH
KV-3 KHU CÔNG NGHIỆP
KV-4 KHU ĐẤT CÂY XANH
KV-5 KHU VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ NÔNG THÔN



PHÂN VÙNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Căn cứ vào mức độ, phạm vi tác động, mục tiêu bảo vệ môi trường chính. Khu vực nghiên cứu quy hoạch được chia thành 5 khu vực bảo vệ chính:
(1) Khu vực phát triển đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ: Xây dựng khu đô thị mới, trung tâm thương mại dịch vụ, các khu tái định cư gắn với bảo vệ cảnh quan cây xanh, mặt nước, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn tập trung của mỗi khu chức năng;
(2) Khu vực dịch vụ du lịch: Xây dựng các công trình phù hợp, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, có biện pháp thu gom, xử lý môi trường phù hợp, hiệu quả, đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, mỹ thuật và môi trường;
(3) Khu công nghiệp, logistic: Định hướng phát triển công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường công nghiệp hàng năm. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn;
(4) Khu vực đất cây xanh: Cần được duy trì, phát triển, đầu tư quy hoạch, thiết kế, tăng tính thẩm mỹ, phù hợp đô thị, các tiêu chí kỹ thuật; Lựa chọn loại cây trồng phù hợp, ưu tiên cây địa phương, có biện pháp chăm sóc hợp lý, hạn chế sử dụng hóa chất;
(5) Khu vực nông nghiệp và dân cư nông thôn: Khuyến cáo người dân sử dụng hợp lý hóa chất trong sản xuất, từng bước tiến dần phát triển nông nghiệp sạch; Xây dựng cộng đồng dân cư nông thôn theo tiêu chí phát triển nông thôn mới, có lối sống lành mạnh, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường;

Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

Table with 3 columns: Thành phần, Không xử lý, Xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT (Loại A, Loại B). Rows include TSS, BOD5, N-NH4+, Dầu mỡ, Chất hoạt động bề mặt.

Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải công nghiệp

Table with 3 columns: Thành phần, Không xử lý, Xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT. Rows include COD, BOD5, Chất rắn lơ lửng (SS), Tổng N, Tổng P.

Dự báo độ ồn phát sinh từ hoạt động thi công đường theo khoảng cách

Table with 4 columns: STT, Hoạt động, and 3 noise level columns (10m, 50m, 70m). Rows include road construction, earthwork, etc.

Dự báo nguồn, thành phần các chất gây ô nhiễm môi trường không khí

Table with 3 columns: Hoạt động gây tác động, Thành phần, Khu vực và mức độ tác động. Rows include urban development, industrial, logistic, etc.

Dự báo nguồn phát sinh, thành phần các chất gây ô nhiễm môi trường nước

Table with 3 columns: Hoạt động gây tác động, Thành phần, Khu vực và mức độ tác động. Rows include urban development, industrial, logistic, etc.

Hệ số phát thải bụi trong xây dựng

Table with 3 columns: STT, Nguồn phát sinh bụi, Hệ số phát thải. Rows include earthwork, construction, etc.

Quan trắc chất lượng môi trường trong khu vực quy hoạch

Table with 4 columns: TT, Môi trường, Thông số quan trắc, Tần suất quan trắc. Rows include surface water, groundwater, wastewater, etc.

Khu vực nhạy cảm và quy định cụ thể đối với công tác quản lý và BVMT

Table with 2 columns: Khu vực nhạy cảm môi trường, Các quy định quản lý cụ thể. Rows include urban development, industrial, etc.

Tính chất đặc trưng của nước thải một số ngành công nghiệp

Table with 6 columns: Các chỉ tiêu, Chế biến sưa, Sản xuất tổng hợp, Dệt sợi tổng hợp, Sản xuất phenol, QCVN 40:2011/BTNMT (Loại A, Loại B). Rows include BOD5, COD, etc.

(nguồn: giáo trình công nghệ xử lý nước thải - Trần Văn Nhân, Tô Thị Nga)